

Số:

Hậu Giang, ngày tháng năm 2023

BÁO CÁO
Tình hình thực hiện năm 2023, phương hướng nhiệm vụ năm 2024

Phần thứ nhất
Tình hình thực hiện kế hoạch năm 2023

Ngay từ đầu năm, toàn ngành nông nghiệp, nông thôn tích cực triển khai nhiệm vụ trọng tâm thực hiện kế hoạch năm 2023; ban hành và tổ chức thực hiện Kế hoạch Thực hiện Nghị quyết 01/NQ-CP của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2023, đồng thời tập trung triển khai đồng bộ các nhiệm vụ và giải pháp để thực hiện đạt các chỉ tiêu theo Quyết định số 2143/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang về việc giao chỉ tiêu Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023, góp phần phát triển kinh tế - xã hội.

Trong những tháng đầu năm, với thời tiết cực đoan cao điểm của nắng nóng gay gắt, bên cạnh đó yếu tố hạn mặn xâm nhập, đồng thời tình hình mưa bão và dịch bệnh đe dọa đến những vùng sản xuất và nuôi trồng. Trước tình hình đó, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tập trung chỉ đạo thực hiện các giải pháp ứng phó nhằm đảm bảo sản xuất nông nghiệp tiếp tục phát triển, phòng chống các dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi, kết nối tiêu thụ nông sản cho nông dân và xây dựng các chuỗi giá trị nông sản, góp phần phát triển kinh tế - xã hội và xây dựng nông thôn mới. Kết quả năm 2023 đạt được như sau:

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN ƯỚC CẢ NĂM 2023

1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kinh tế - xã hội được giao năm 2023

(1) Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) khu vực I theo tính toán của Cục Thống kê tỉnh ước đạt 3,12% (KH 3,05%).

(2) Xây dựng nông thôn mới: Tính đến nay, toàn tỉnh có 03 đơn vị cấp huyện được công nhận hoàn thành/đạt chuẩn nông thôn mới, 08 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, 39/51 xã đạt chuẩn (19/19 tiêu chí) nông thôn mới đạt 76,47% (02 xã nông thôn mới kiểu mẫu). Số tiêu chí đạt bình quân toàn tỉnh là 17,8 tiêu chí/xã.

(3) Tỷ lệ dân số nông thôn sử dụng nước sạch 90,77 % (Kế hoạch 90,0%), tăng 1,82 % so với cùng kỳ (88,95%).

(4) Tỷ lệ che phủ rừng đạt 3,1%, đạt 103,3% Kế hoạch.

2. Kết quả chỉ đạo sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản

2.1. Trồng trọt và bảo vệ thực vật

a) Trồng trọt

- **Cây lúa:** Tổng diện tích gieo trồng lúa cả năm 177.839 ha, đạt 102,2% kế hoạch năm. Sản lượng ước đạt 1.185.818 tấn, đạt 101,9% kế hoạch năm.

+ *Vụ lúa Đông Xuân* Diện tích xuống giống được 75.501,2 ha, đạt 100,7% so với kế hoạch (75.000 ha), giảm 1.125 ha¹ so với cùng kỳ năm 2022. Các giống lúa sử dụng chủ yếu là RVT, OM18, Đài Thơm 8, ST24, ..., các giống lúa sử dụng chủ yếu là RVT chiếm 32,8%, Đài thơm 8 chiếm 26,4%, OM18 chiếm 20,9%, OM 5451 chiếm 7%, ST25 chiếm 4,1%, ST24 chiếm 4%, còn lại là các giống khác như: IR50404, Jasmine 85..., Năng suất trung bình đạt 7,753tấn/ha, giảm 0,028 tấn/ha so với cùng kỳ (7,781 tấn/ha), sản lượng đạt 585.361 tấn, giảm 10.867 tấn so với cùng kỳ (596.228 tấn). Nguyên nhân năng suất giảm do trên địa bàn tỉnh Hậu Giang một số huyện trong những tháng thu hoạch xảy ra mưa lớn kéo dài nhiều ngày gây đổ ngã diện tích lúa Đông xuân trong giai đoạn trổ chín đến thu hoạch.

+ *Vụ lúa Hè Thu:* toàn tỉnh đã xuống giống được 75.207,1 ha, đạt 101% kế hoạch tỉnh (74.500 ha), giảm 1,52% (bằng 1.168,1 ha) so với cùng kỳ. Các giống lúa sử dụng chủ yếu là: OM18 chiếm 69%, OM5451 chiếm 23%, Đài Thơm 8 chiếm 4,62%, còn lại là các giống khác như: RVT, IR50404, ST... chiếm 3,5%. Năng suất đạt 6,036 tấn/ha, giảm 0,081 tấn/ha so với cùng kỳ (6,105 tấn/ha), sản lượng đạt 453.950 tấn, giảm 12.282 tấn so với cùng kỳ (466.231,5 tấn). Giá thành sản xuất thóc vụ Hè Thu 2023 là 4.210,4 đồng/kg, tăng 2,1 đồng/kg so với vụ Hè Thu 2022 (4.123,6 đồng/kg).

+ *Vụ lúa Thu Đông:* xuống giống được 27.131ha, đạt 110,7% so với kế hoạch vụ Thu Đông 2023 (24.500ha), cơ cấu giống lúa cụ thể như sau: OM 18 (50,9%) và OM 5451 (38,6%) là chủ yếu, còn lại là các giống khác như RVT và Đài thơm 8, ... Đến nay đã thu hoạch dứt điểm, ước năng suất 5,4 tấn/ha, sản lượng ước đạt 146.507 tấn.

Ước tính sản xuất lúa năm 2023: Tổng diện tích 177.839 ha. Năng suất ước 6,67 tấn/ha. Sản lượng ước đạt 1.185.818 tấn, giảm 5,43% (bằng 68.126 tấn) so với cùng kỳ.

¹ Diện tích giảm 1.125 ha: diện tích giảm chuyển sang cây trồng khác và chuyển sang đất phi nông nghiệp để thực hiện các công trình, dự án

- **Cây rau màu:** Toàn tỉnh đã xuống giống được 29.270 ha, đạt 106,4% so kế hoạch đã điều chỉnh (27.500 ha), tăng 4,4% (1.242 ha) so cùng kỳ năm 2022. Trong đó, cây rau đậu là 26.658 ha, cây bắp là 2.172 ha và cây có chất bột là 440 ha. Hiện đã thu hoạch 28.870 ha, ước năng suất trung bình đạt 12,5 tấn/ha. Diện tích còn lại đang giai đoạn sinh trưởng và phát triển tốt. Dự kiến thu hoạch đạt 100% diện tích xuống giống, ước năng suất đạt 12,5 tấn/ha.

- **Cây mía:** Mía niên vụ 2022 - 2023 đã xuống giống được 3.286 ha (giảm 556 ha² so với cùng kỳ năm 2022) phân bố ở huyện Phụng Hiệp và TP. Ngã Bảy đang ở giai đoạn vươn lóng và phát triển tốt. Các giống sử dụng chủ yếu như: Các giống được sử dụng chủ yếu như: ROC 16, K88-92, KK3,... . Hiện nay, đã thu hoạch được 2.520 ha, năng suất trung bình ước đạt 100 tấn/ha. Mía còn lại đang sinh trưởng và phát triển tốt. Ước cả năm 2023, diện tích thu hoạch 3.286 ha với năng suất trung bình đạt 100 tấn/ha, sản lượng đạt 328.570 tấn, đạt 102,7 % so với kế hoạch.

- **Cây ăn trái:** Tính đến nay, Tổng diện tích cây ăn trái toàn tỉnh đạt 45.800 ha, tăng 669 ha so với cùng kỳ 2022 (45.131 ha), đạt 100% so với kế hoạch năm 2023 (45.800 ha). Trong đó: Trong đó cây có múi là 12.522 ha, xoài 2.920 ha, mít 9.748 ha, măng cầu 732 ha, khóm 3.113 ha, sầu riêng 2.468 ha, còn lại cây ăn trái khác 14.297 ha (nhãn có diện tích trồng là 944 ha, măng cụt có diện tích trồng là 528 ha, chuối có diện tích trồng là 2.770 ha, và 10.055 ha trồng các loại cây ăn trái khác). Hiện nay nông dân đang có xu hướng chuyển sang trồng các loại cây có giá trị kinh tế như mít, sầu riêng,... ngành Nông nghiệp khuyến cáo nông dân không trồng tự phát khi chưa có thị trường đầu ra ổn định, đồng thời tăng cường hỗ trợ nông dân áp dụng tiến bộ kỹ thuật, phòng ngừa các loại sâu bệnh để tăng năng suất và chất lượng cao.

b) Công tác bảo vệ thực vật

Tình hình sinh vật gây hại năm 2023 giảm đáng kể so với cùng kỳ năm 2022, do điều kiện thời tiết thuận lợi, bất lợi cho sinh vật gây hại phát sinh phát triển, ngoài ra nông dân áp dụng biện pháp sạ thưa, thường xuyên chăm sóc, quản lý và kịp thời phòng trừ sinh vật gây hại từ đó sinh vật gây hại giảm đáng kể. Cụ thể:

- Trên cây lúa: Toàn tỉnh có 33.533 ha nhiễm sinh vật hại (giảm 1.788 ha so với cùng kỳ năm 2022), trong đó không có diện tích nhiễm nặng, nhiễm trung bình 441,5 ha, còn lại nhiễm nhẹ.

- Trên cây ăn trái và rau màu xuất hiện các dịch hại như bệnh Greening, vàng lá thối rễ, rệp sáp, sâu đục trái, sâu vẽ bùa, ghẻ loét, sâu tơ, sâu ăn tạp, các loại sâu ăn lá, rệp sáp, bọ trĩ, bọ nhảy, bệnh thán thư, bệnh khảm, đốm lá, ruồi đục

² Diện tích giảm 556 ha: đang rà soát diện tích giảm chuyển sang cây trồng khác.

trái, chuột,... Ngành Nông nghiệp đã kịp thời hỗ trợ nông dân phòng trị nên mức độ gây hại không đáng kể.

2.2. Chăn nuôi, thú y

a) Công tác quản lý đàn gia súc, gia cầm:

Tình hình chăn nuôi năm 2023 phát triển tương đối ổn định, dịch bệnh được kiểm soát tốt, giá heo hơi có chiều hướng tăng, giá thức ăn chăn nuôi đã hạ nhiệt, đây là cơ hội để các hộ chăn nuôi tái đàn, mở rộng quy mô sản xuất. Theo số liệu của Cục Thống kê, ước tính thực hiện năm 2023, cụ thể như sau: đàn lợn (heo) 146.045 con (*tính cả heo con chưa tách mẹ*), tăng 1,42% (tương đương 2.040 con) so với cùng kỳ; đàn trâu 1.249 con, giảm 6,86% so với cùng kỳ (tương đương 92 con); đàn bò 4.312 con, tăng 15,3% (tương đương 572 con) so với cùng kỳ; đàn gia cầm 4,489 triệu con, tăng 2,55% (tương đương 111.770 con) so với cùng kỳ, trong đó đàn gà có 1,871 triệu con, tăng 4,90% (tương đương 91.760 con).

b) Tình hình dịch bệnh: Thực hiện tốt công tác tiêm phòng dịch bệnh ở đàn gia súc và gia cầm; công tác kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật, kiểm soát giết mổ, kiểm tra vệ sinh thú y, trong quá trình kiểm tra không phát hiện sản phẩm không đảm bảo vệ sinh thú y. Tính đến thời điểm hiện tại, tình hình dịch trên gia súc, gia cầm ổn định, không xảy ra các dịch bệnh truyền nhiễm nguy hiểm trên gia súc, gia cầm và thủy sản buộc phải công bố dịch.

c) Công tác phòng chống dịch bệnh

- Công tác tiêu độc khử trùng: Triển khai kế hoạch Tháng tổng vệ sinh, khử trùng, tiêu độc môi trường năm 2023, cụ thể như sau: Đợt 1/2023 từ ngày 01/3/2023 đến 31/3/2023, toàn tỉnh đã thực hiện phun hóa chất tiêu độc, khử trùng được 5.814.844 m². Bao gồm trực tiếp phun tiêu độc 4.992.394 m², tổng số hoá chất đã sử dụng là 2.496,2 lít; Giám sát các cơ sở tự tiêu độc được 822.450 m²; Đợt 2/2023 từ ngày 15/9/2023 đến 15/10/2023 toàn tỉnh đã thực hiện phun hóa chất tiêu độc, khử trùng được 5.814.844 m². Bao gồm trực tiếp phun tiêu độc 4.992.394 m², tổng số hoá chất đã sử dụng là 2.496,2 lít; Giám sát các cơ sở tự tiêu độc được 822.450 m².

Ước thực hiện năm 2023, thực hiện tiêu độc và giám sát công tác tiêu độc, khử trùng phương tiện vận chuyển được 7.588 xe tải và 31 xe mô tô; giám sát vệ sinh tiêu độc, khử trùng được 4.375.154 m² tại các cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm; cơ sở chăn nuôi gia súc, gia cầm trên địa bàn tỉnh.

- Công tác kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật và kiểm soát giết mổ: Từ đầu năm đến nay, ngành Thú y đã kiểm dịch được 135.785 con heo; 835.034 con gia cầm; 367 con cây vôi hương; 02 con chó; 02 con mèo; 58 con rắn hổ mang; 258 con dê; 08 con bò; 06 con Nai; 05 con hươu; 5.652.377 kg thịt gia súc, gia cầm các loại và 15 lô thủy sản (193.500 con lươn giống, 2.272.897 con cá tra

giống, 19.155 con ba ba giống). Toàn tỉnh hiện có 19 cơ sở giết mổ, trong đó có 11 cơ sở giết mổ heo; 01 cơ sở giết mổ heo kết hợp giết mổ trâu, bò và gia cầm; 02 cơ sở giết mổ heo kết hợp giết mổ trâu, bò; 02 cơ sở giết mổ heo kết hợp giết mổ gia cầm và 03 cơ sở giết mổ gia cầm. Ước thực hiện năm 2023, ngành thú y đã kiểm soát giết mổ được 1.187 con trâu, bò, dê; 183.452 con heo và 746.405 con gia cầm.

- Công tác kiểm tra vệ sinh thú y: Từ đầu năm đến nay, ngành Thú y đã tổ chức kiểm tra vệ sinh thú y được 1.243 lượt/4.229 cơ sở giết mổ, ấp trứng, quây kê kinh doanh sản phẩm động vật. Qua kiểm tra, chưa phát hiện vi phạm.

2.3. Lâm nghiệp

- Tham mưu UBND tỉnh thực hiện quản lý nhà nước với diện tích rừng 3.793,69 ha (Rừng đặc dụng: 1.443,35 ha và Rừng sản xuất: 2.350,34 ha) theo đúng quy định (Trong đó diện tích rừng do Nhà nước quản lý 411,66 ha, diện tích rừng tổ chức khác quản lý 68,8 ha và diện tích rừng của hộ gia đình trồng trên đất nông nghiệp 1.869,88 ha). Tỷ lệ độ che phủ rừng đạt 3,1%. Diện tích rừng tăng 17,29 ha so với năm 2022. Sản lượng gỗ khai thác ước khoảng 26.000 m³.

- Theo dõi tình hình triển khai thực hiện tại Khu Bảo tồn thiên nhiên Lung Ngọc Hoàng, gồm: Dự án di dời dân cư trong phân khu bảo vệ nghiêm ngặt ra khu đất sản xuất 49,35 ha; việc kê liếp, cải tạo lung, cải tạo đất trống để trồng rừng tràm năm 2023 với diện tích 30,35 ha; việc thực hiện rà soát, điều chỉnh Đề án du lịch sinh thái Khu Bảo tồn thiên nhiên Lung Ngọc Hoàng với tổng kinh phí thực hiện là 664,9 triệu đồng; rà soát, điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững Khu Bảo tồn thiên nhiên Lung Ngọc Hoàng giai đoạn 2021 - 2030,... Khu Bảo tồn thiên nhiên Lung Ngọc Hoàng đang triển khai thực hiện theo đúng quy định.

- Tham mưu trình UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 82/KH-UBND ngày 13/4/2023 về trồng cây xanh phân tán và trồng rừng trên địa bàn tỉnh Hậu Giang năm 2023. Phối hợp với UBND thành phố Vị Thanh tổ chức thành công Lễ phát động “Tết trồng cây đời đời nhớ ơn Bác Hồ” Xuân Quý Mão năm 2023. Song song theo đó, các địa phương còn lại trên địa bàn tỉnh cũng hưởng ứng Lễ phát động “Tết trồng cây đời đời nhớ ơn Bác Hồ”. Kết quả toàn tỉnh trồng được 2.310 cây, gồm: Sao đen, Dầu, Giáng Hương, Bằng lăng, Kèn hồng. Bên cạnh đó, đã trình UBND tỉnh báo cáo đề xuất trồng cây phục vụ giải “Mekong Delta Marathon” tỉnh Hậu Giang năm 2023. Kết quả: Trồng 100 cây Lộc Vừng, chiều cao 2 - 3m, khoảng cách trồng cây 10m/cây.

- Phối hợp với các địa phương tổ chức phúc tra, đánh giá tỷ lệ cây trồng theo Chiến dịch Giao thông nông thôn - Thủy lợi và Bảo vệ môi trường nông thôn, chỉ tiêu năm 2023, kết quả: Số lượng cây đã trồng theo báo cáo của các địa phương

32.900 cây, kết quả phúc tra, đánh giá tỷ lệ sống đạt trung bình toàn tỉnh 93,5%, tương đương 30.776 cây (Sao, Dầu, Bằng lăng), đạt 452,59% so với chỉ tiêu giao..

- Tham mưu Ban Chỉ đạo về Kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng giai đoạn 2021 - 2030 tỉnh Hậu Giang tổ chức thành công Hội nghị tổng kết Phương án Phòng cháy chữa, cháy rừng cấp tỉnh giai đoạn 2020 - 2022 và triển khai thực hiện Phương án Phòng cháy chữa, cháy rừng cấp tỉnh giai đoạn 2023 - 2025. Đồng thời, đã nâng mức cảnh báo cháy rừng từ cấp I lên cấp III (cấp cao), bắt đầu từ ngày 24/3/2023 ở tất cả khu rừng trên địa bàn tỉnh và nâng mức cảnh báo cháy rừng từ cấp III (cấp cao) lên cấp IV (cấp nguy hiểm), kể từ ngày 29/4/2023 trên tất cả các khu rừng trong tỉnh; tổ chức ứng trực 12/24h (từ 9h đến 21h) từ Ban Chỉ đạo tỉnh, huyện, xã và các đơn vị chủ rừng kể cả ngày thứ bảy, chủ nhật. Đến nay không có xảy ra cháy rừng.

- Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Hậu Giang: Tham mưu trình UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1049/QĐ-UBND ngày 22/6/2023 về việc phê duyệt Kế hoạch thu, chi và dự toán chi quản lý tiền dịch vụ môi trường rừng tỉnh Hậu Giang năm 2022, với tổng số tiền là 1.636,354 triệu đồng. Đến tháng 10 năm 2023, Quỹ đã tiếp nhận và đang quản lý 1.090,900 triệu đồng từ nguồn tiền ủy thác của các đơn vị sử dụng dịch vụ môi trường rừng trên địa bàn tỉnh, nguồn thu này sẽ được chi trả cho bên cung ứng dịch vụ môi trường rừng vào năm 2024.

- Quản lý 17 cơ sở kinh doanh chế biến gỗ, 122 cơ sở cưa xẻ gỗ vườn, 50 hộ hầm than được và 33 cơ sở mua bán củ tràm. Gỗ tồn đầu kỳ: 1.614 m³. Trong năm 2023, gỗ nhập 188 m³, gỗ xuất 203 m³, gỗ tồn cuối kỳ 1.599 m³. Các xưởng cưa ở các địa phương cưa xẻ được 2.203 m³ gỗ vườn các loại. Các vựa củ tràm: Nhập 739.600 cây, xuất 734.650 cây, tồn khoảng 57.150 cây. Đồng thời, quản lý 320 cơ sở nuôi với 28.639 cá thể động vật rừng, trong đó, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và động vật hoang dã nguy cấp thuộc Phụ lục CITES gồm có 11 loài với 16.553 cá thể và động vật rừng thông thường gồm có 06 loài với 12.086 cá thể. Từ đầu năm đã cấp sổ theo dõi cho 75 cơ sở nuôi động vật rừng với 780 cá thể; cấp mã số cho 74 cơ sở nuôi động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm, đến nay đã cấp 235 mã số cơ sở nuôi; vận chuyển trong tỉnh 169 trường hợp với 811 cá thể, ngoài tỉnh 55 trường hợp với 452 cá thể; tăng đàn 107 trường hợp/ 984 cá thể; giảm đàn 23 trường hợp /292 cá thể. Tăng 40 cơ sở so với năm 2022.

- Phối hợp tổ chức tuần tra, kiểm soát lâm sản trên tuyến Quốc lộ 61C thuộc địa bàn huyện Vị Thủy, Châu Thành A và địa bàn thành phố Ngã Bảy; kiểm tra các cơ sở nuôi động vật rừng trên địa bàn tỉnh. Song song theo đó, đã tiếp nhận 01 cá thể Khỉ mặt đỏ (*Macaca arctoides*), trọng lượng khoảng từ 03 - 04kg; 01 cá thể Tê tê java (*Manis javanica*), trọng lượng khoảng 6,5kg; 01 cá thể

Vượn đen má hung (*Nomascus gabriellae*), trọng lượng khoảng 05 kg và phối hợp với Đội Cảnh sát ĐTTP về KT-MT, Công an huyện Phụng Hiệp bàn giao 04 cá thể Tê tê java (*Manis javanica*), trọng lượng từ 0,4 - 04kg cho Vườn quốc gia Cát Tiên thuộc xã Nam Cát Tiên, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai để thực hiện chăm sóc, cứu hộ theo quy định. Bên cạnh đó, phối hợp với Khu Bảo tồn tiếp nhận 194 kg (Rùa Ba Gờ 192 kg, Rùa rặng 02 kg) và 75 cá thể chim của người dân thả về môi trường tự nhiên tại Phân Khu Bảo vệ nghiêm ngặt thuộc Khu Bảo tồn.

- Theo dõi, quản lý 02 điểm mua bán động vật rừng có nguồn gốc từ gây nuôi hợp pháp trên địa bàn thành phố Vị Thanh và Ngã Bảy theo đúng quy định.

2.4. Thủy sản

Tổng diện tích nuôi thủy sản ước thực hiện năm 2023 là 11.292,7 ha (cá tra 153,88 ha, cá thát lát 83,15 ha, lươn 10,1 ha,...), đạt 101,74% so với kế hoạch (11.100 ha) và đạt 126,38% so cùng kỳ (8.935,70 ha). Tổng sản lượng thủy sản ước đạt 88.503 tấn (cá tra 33.750 tấn, cá thát lát 7.473 tấn, lươn 1.600 tấn,...), đạt 100,6% so kế hoạch (88.000 tấn) và đạt 111,88% so cùng kỳ (79.108 tấn). Trong đó, sản lượng thủy sản nuôi trồng là 85.638 tấn, sản lượng khai thác nội địa 2.865 tấn.

Triển khai Kế hoạch chi tiết phát triển thủy sản năm 2023, thông báo khuyến cáo lịch mùa vụ nuôi thủy sản năm 2023 và Công văn khuyến cáo biện pháp kỹ thuật nuôi thủy sản trong tình hình xâm nhập mặn trên địa bàn tỉnh Hậu Giang năm 2023 gửi các huyện, thị xã, thành phố. Xây dựng Kế hoạch và dự toán chi tiết kinh phí thực hiện hoạt động khuyến nông trong lĩnh vực thủy sản năm 2023.

Ban hành Kế hoạch kiểm tra cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư dùng trong thủy sản và cơ sở nuôi trồng thủy sản trên địa bàn tỉnh Hậu Giang năm 2023 và Kế hoạch kiểm tra hoạt động khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản trên địa bàn tỉnh Hậu Giang năm 2023.

Tổ chức Lễ Phát động hoạt động thả giống phóng sinh, tái tạo nguồn lợi thủy sản năm 2023 tại Khu du lịch sinh thái Mùa Xuân. Kết quả, thả về tự nhiên 513 kg cá giống, tương đương 51.500 con cá giống các loại gồm: cá tra, sặc rằn, rô đồng, cá chép... với số tiền 42 triệu đồng từ nguồn vận động xã hội hóa.

3. Công tác thủy lợi, phòng chống thiên tai

Triển khai thực hiện Chiến dịch giao thông nông thôn thủy lợi và bảo vệ môi trường năm 2023 theo Kế hoạch số 28/KH-UBND ngày 15 tháng 02 năm 2023 của UBND tỉnh Hậu Giang về việc phát động phong trào thi đua chiến dịch

Giao thông nông thôn - Thủy lợi và Bảo vệ môi trường nông thôn năm 2023 và Kế hoạch số 11/KH-BCH ngày 16 tháng 02 năm 2023 của Ban Chỉ huy Chiến dịch GT-TL&BVMT tỉnh Hậu Giang về việc Giao chỉ tiêu, khối lượng Chiến dịch Giao thông nông thôn - Thủy lợi và Bảo vệ môi trường nông thôn năm 2023. Trong đó, các chỉ tiêu về thủy lợi giao các huyện, thị, thành thực hiện trên diện tích 1.950 ha, thời gian từ ngày 20/02/2023 đến 02/9/2023.

Tham mưu UBND tỉnh ban hành Kế hoạch về phòng chống hạn và xâm nhập mặn năm 2022 trên địa bàn tỉnh Hậu Giang³; triển khai thực hiện công tác phòng chống xâm nhập mặn trước, trong và sau Tết Quý Mão năm 2023. Đồng thời, khuyến cáo người dân theo dõi các bản tin diễn biến xâm nhập mặn trên các phương tiện thông tin đại chúng để chủ động ứng phó, bảo vệ cho sản xuất nông nghiệp.

Phân công cán bộ Trạm Thủy lợi thường xuyên theo dõi tình hình xâm nhập mặn; Chỉ đạo Trung tâm Khuyến nông và Dịch vụ nông nghiệp vận hành hệ thống các công trình do tỉnh quản lý để chủ động trong công tác ngăn mặn, thực hiện tốt công tác quản lý, khai thác công trình thủy lợi để người dân tranh thủ lấy nước, trữ nước và sử dụng nước có hiệu quả.⁽⁴⁾

Tình hình xâm nhập mặn: Trong những tháng đầu năm trên địa bàn tỉnh Hậu Giang đã xuất hiện nhưng còn ở mức độ thấp, độ mặn cao nhất đo được tại: Huyện Long Mỹ: Trong tháng 03 độ mặn cao nhất tại Cống Hóc Pó (xã Lương Nghĩa) độ mặn xuất hiện 11,6‰ ngày 27/3/2023 so với cùng kỳ năm 2022 tăng 7,0‰ (năm 2022 là 4,6‰); Thành phố Vị Thanh: Cống kênh Lầu (xã Hòa Tiến) độ mặn xuất hiện 2,9‰ ngày 16/4/2023 so với cùng kỳ năm 2022 tăng 2,7‰ (năm 2022 là 0,2‰); Huyện Châu Thành: Trên sông Cái Côn (thị trấn Mái Dầm) độ mặn cao nhất là: 1,7‰ ngày 04/3/2023 so với cùng kỳ năm 2022 tăng 1,4‰ (năm 2022 là 0,3‰).

* Thiệt hại do thiên tai: 7.971,8 triệu đồng, trong đó:

- Về sạt lở: Tính từ đầu năm đến nay, trên địa bàn tỉnh xảy ra 63 điểm sạt lở (chủ yếu tại huyện Châu Thành), tổng chiều dài chiều dài 1.550 m, diện tích

³ Kế hoạch số 65/KH-UBND ngày 22 tháng 03 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về phòng, chống hạn và xâm nhập mặn trên địa bàn tỉnh Hậu Giang năm 2023.

⁴ Tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định số 03/2023/QĐ-UBND ngày 04/01/2023 về tiêu chuẩn, định mức sử dụng vật tư, phương tiện, trang thiết bị chuyên dùng phòng, chống thiên tai cho các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Hậu Giang; Quyết định số 05/2023/QĐ- UBND ngày 09/01/2023 về Quy định nội dung chi và mức chi của Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh Hậu Giang; Kế hoạch số 65/KH-UBND ngày 22 tháng 3 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về phòng, chống hạn và xâm nhập mặn trên địa bàn tỉnh Hậu Giang năm 2023; Tham mưu Chỉ thị số 06/CT-UBND ngày 30 tháng 3 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn năm 2023 trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

mất đất 9.362 m². Ước tổng thiệt hại 5.606 triệu đồng. So với cùng kỳ: Tăng 46 điểm sạt lở, chiều dài sạt lở tăng 1.089 m, diện tích mất đất tăng 6.528 m², ước thiệt hại tăng 3.544 triệu đồng.

- Về đông lốc: tính từ đầu năm đến nay: Tổng số nhà sập 24 căn, tốc mái 77 căn, ước tổng thiệt hại 2.365 triệu đồng. So với cùng kỳ: Số nhà sập tăng 09 căn, nhà tốc mái tăng 14 căn, ước thiệt hại tăng 431,8 triệu đồng.

4. Phát triển nông thôn và xây dựng nông thôn mới

- Về công tác phát triển HTX, THT: Toàn tỉnh có 681 tổ hợp tác nông nghiệp (tăng 20 THT so với năm 2022), với 10.153 thành viên, 4 liên hiệp hợp tác xã (LHHTX) nông nghiệp với 70 thành viên và 225 hợp tác xã nông nghiệp (tăng 6 THT so với năm 2022) với 6.621 thành viên, vốn điều lệ 241,311 tỷ đồng; 48 trang trại (tăng 7 trang trại so với năm 2022). Trong đó, 8 trang trại nuôi trồng thủy sản, 33 trang trại chăn nuôi, 1 trang trại trồng trọt, 6 trang trại tổng hợp; với tổng diện tích 43 ha, trung bình 1,05 ha/trang trại.

- Theo dõi liên kết bao tiêu: Có 32 doanh nghiệp, 38 HTX liên kết sản xuất và bao tiêu nông sản với 39.870 lượt hộ tham gia, diện tích 38.656 ha, sản lượng 334.105,4 tấn, trong đó:

+ Cây lúa: Có 25 doanh nghiệp, 30 HTX liên kết sản xuất và bao tiêu lúa với 39.145 lượt hộ tham gia, diện tích 37.808 ha, sản lượng 316.966,4 tấn. Hình thức bao tiêu: Bao tiêu cuối vụ, cung ứng giống kết hợp bao tiêu hoặc cung ứng giống, vật tư nông nghiệp và bao tiêu. Giá bao tiêu được chốt trước thu hoạch 7-10 ngày, theo giá thị trường hoặc cao hơn 50 đến 1.000đ/kg tùy theo chủng loại giống và đơn vị bao tiêu.

+ Đối với cây ăn trái: Có 7 doanh nghiệp, 8 HTX liên kết bao tiêu với 725 hộ tham gia, diện tích 848 ha, sản lượng 17.139 tấn, cụ thể: chanh không hạt có 3 doanh nghiệp, 3 HTX liên kết bao tiêu với 123 hộ tham gia, diện tích 220 ha, sản lượng 3.332 tấn; cây bưởi liên kết bao tiêu 2 HTX với 70 hộ, diện tích 53 ha, sản lượng 785 tấn, mít có 2 doanh nghiệp, 1 HTX liên kết bao tiêu với 8 hộ tham gia, diện tích 55 ha, sản lượng 720 tấn và cây khóm có 2 doanh nghiệp, 2 HTX liên kết bao tiêu với 524 hộ tham gia, diện tích 520 ha, sản lượng 12.302,2 tấn.

- Chương trình bố trí dân cư: Tham mưu Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang ban hành Nghị quyết Quy định cơ chế, chính sách hỗ trợ thực hiện bố trí ổn định dân cư trên địa bàn tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2023 - 2025 và đã được thông qua ngày 14 tháng 7 năm 2023 (*Nghị quyết số 10/2023/NQ-HĐND*)

- Lĩnh vực đào tạo nghề nông nghiệp: Thực hiện kế hoạch đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn trên địa bàn tỉnh Hậu Giang, giai đoạn 2023 - 2025. Ban hành Kế hoạch đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn năm 2023. Phê duyệt 32 lớp đào tạo nghề nguồn vốn nông thôn mới 1,582 tỷ đồng

cho 8 huyện, thị xã, thành phố theo Kế hoạch đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn năm 2023, ước thực hiện đạt 32 lớp (đạt 100%); 20 lớp đào tạo nghề nguồn vốn giảm nghèo 807,8 triệu đồng cho 2 huyện, ước thực hiện đạt 20 lớp (đạt 100%).

- Lĩnh vực giảm nghèo: Thực hiện Kế hoạch số 59/KH-UBND ngày 20 tháng 3 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giám sát, đánh giá Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh năm 2023, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cùng phối hợp với các Sở, ban, ngành liên quan ban hành Kế hoạch số 38/KH-SNNPTNT ngày 31/3/2023 về giám sát, đánh giá Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh năm 2023, đến nay đã thực hiện được 8 cuộc tại các huyện, thị xã, thành phố.

- Lĩnh vực triệt xóa cây có chứa chất ma túy: Qua rà soát, tỉnh Hậu Giang chưa phát hiện diện tích trồng mới, tái trồng cây cần sa và cây có chứa chất ma túy khác. Qua tổng hợp thống kê có 184 cơ sở có hoạt động sản xuất, buôn bán thuốc thú y; cơ sở có hoạt động khám, chữa bệnh cho động vật trên địa bàn tỉnh. Các cơ sở này không sản xuất, buôn bán và sử dụng thuốc thú y có chứa chất ma túy hay tiền chất ma túy.

- Xây dựng nông thôn mới: Tính đến nay, toàn tỉnh có 03 đơn vị cấp huyện được công nhận hoàn thành/đạt chuẩn nông thôn mới, 08 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, 39/51 xã đạt chuẩn (19/19 tiêu chí) nông thôn mới đạt 76,47% (02 xã nông thôn mới kiểu mẫu). Số tiêu chí đạt bình quân toàn tỉnh là 17,8 tiêu chí/xã. Trên địa bàn tỉnh không còn xã đạt dưới 10 tiêu chí. Kết quả công nhận Tiêu chí 13 - Tổ chức sản xuất, có 49/51 xã đạt chuẩn, đạt 96,07%.

- Đánh giá và công nhận sản phẩm OCOP: Lũy kế số sản phẩm OCOP tỉnh Hậu Giang đến nay là 179 sản phẩm. Trong đó: Có 68 sản phẩm 4 sao (chiếm 38%); có 111 sản phẩm 3 sao (chiếm 62%), với 82 chủ thể tham gia, trong đó: 15,9% doanh nghiệp; 26,8% hợp tác xã; 57,3% cơ sở sản xuất/hộ kinh doanh; Có 02 sản phẩm thăng hạng từ 3 sao lên 4 sao.

- Trên địa bàn tỉnh hiện có 117 mã số vùng trồng đã được cấp mã số (bao gồm 112 mã số duy trì và 05 mã số cấp mới trong năm 2023) và có 09 mã số đóng gói/08 cơ sở (có 01 cơ sở cấp mới). Đã hoàn thiện 15 hồ sơ đề nghị cấp mới MSVT (01 vùng trồng dứa, 14 vùng sầu riêng) gửi về Cục BVTV. Đồng thời, tiếp tục tiếp nhận và hướng dẫn hoàn thiện 11 hồ sơ đề nghị cấp mới MSVT gồm: 3 Hồ sơ sầu riêng, 02 hồ sơ chuối, 02 hồ sơ mít, 02 chanh, 01 nhãn, 01 lúa để gửi về cục BVTV. Tiếp tục thực hiện tiếp nhận hồ sơ đề nghị cấp mới MSVT, CSDG theo quy định.

5. Quản lý chất lượng và an toàn vệ sinh thực phẩm

- Triển khai thực hiện Quyết định số 394/QĐ-BNN-CLCB ngày 01/02/2023 về kế hoạch đảm bảo an toàn thực phẩm, nâng cao chất lượng nông lâm thủy sản năm 2023. Sở Nông Nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Kế hoạch số 31/KH-SNNPTNT ngày 09 tháng 3 năm 2023 về đảm bảo an toàn thực phẩm, nâng cao chất lượng nông lâm thủy sản năm 2023 trên địa bàn tỉnh Hậu Giang; Kế hoạch số 54/KH-SNNPTNT ngày 05 tháng 5 năm 2023 về việc thực hiện Chỉ thị số 17-CT/TW ngày 21 tháng 10 năm 2022 của Ban Bí thư về tăng cường bảo đảm an ninh, an toàn thực phẩm trong tình hình mới năm 2023 trên địa bàn tỉnh Hậu Giang; Kế hoạch số 45/KH-SNNPTNT ngày 19 tháng 4 năm 2023 về việc thực hiện Tiểu dự án số 7: Hỗ trợ phát triển thị trường và xúc tiến thương mại nông sản với các tỉnh, thành phố năm 2023,...

- Tình hình thực hiện Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT, Thông tư số 32/2022/TT-BNNPTNT: Tiến hành thẩm định, xếp loại và thẩm định định kỳ về điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm đối với các cơ sở hoạt động sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản trên địa bàn tỉnh là 63 cơ sở. Kết quả xếp loại A là 02 cơ sở, loại B là 61 cơ sở (thẩm định chứng nhận đầy đủ, đạt tỷ lệ 100% đối với các cơ sở yêu cầu chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm).

- Về nội dung thực hiện các chương trình giám sát, cảnh báo mất an toàn thực phẩm: Tổ chức thu 129/132 mẫu trong đó: Thu 46 mẫu giám sát các mô hình chuỗi theo Quyết định số 3075/QĐ-BNNPTNT-QLCL về ban hành hướng dẫn xác nhận sản phẩm chuỗi cung ứng thực phẩm an toàn (chả lụa, cà phê, chả cá thác lát, chả cá biển); thu 60 mẫu giám sát và truy xuất nguồn gốc về ATTP theo Thông tư số 08/2016/TT-BNNPTNT quy định giám sát an toàn thực phẩm (mắm các loại, cà phê, thủy sản đã qua chế biến, chao, trà, chà bông, khô gà); tổ chức đợt thu 23/26 mẫu tại các vùng nuôi, vừa thu gom thủy sản thuộc Chương trình kiểm soát dư lượng trên thủy sản nuôi. Kết quả có 01 mẫu cá thác lát thương phẩm nhiễm dư lượng kháng sinh (Enrofloxacin và ciprofloxacin). Đơn vị đang thực hiện hướng dẫn hộ nuôi lưu và thu mẫu tăng cường kiểm tra lại, các mẫu còn lại kết quả không phát hiện hóa chất, kháng sinh vượt mức quy định.

- Qua triển khai thực hiện sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản đảm bảo chất lượng, ATTP; xây dựng, kết nối chuỗi cung ứng thực phẩm nông lâm thủy sản an toàn. Đến nay, tình hình sản xuất kinh doanh nông lâm thủy sản đã dần đi vào nề nếp, giá bán sản phẩm chuỗi nông sản cao hơn so với giá thị trường, thị trường tiêu thụ sản phẩm chuỗi, sản phẩm đạt tiêu chuẩn an toàn được mở rộng tại các tỉnh, thành phố trong cả nước như: Chuỗi cá thác lát tiêu thụ tại thị trường TP. Hà Nội với tổng sản lượng trên 5 tấn/tháng; chuỗi trà măng với tổng sản lượng cung cấp 300 kg trà măng cầu/ tháng cung ứng thực phẩm cho thành phố Hà Nội; chuỗi rau đã tiêu thụ được tại các siêu thị và cửa hàng Bách hóa xanh; sản phẩm

chuối chanh không hạt tiêu thụ tại TP. Hồ Chí Minh và xuất khẩu sang thị trường Hà Lan; chuối lươn tiêu thụ tại các tỉnh trong nước và xuất khẩu. Tính đến thời điểm hiện tại toàn tỉnh đã có 17 chuỗi được cấp xác nhận sản phẩm an toàn (sản phẩm cam xoàn, sản phẩm cá thác lát, lúa gạo, rau an lá, trà măng cầu, chanh không hạt, mít và lươn).

6. Công tác chuyển giao khoa học kỹ thuật, thông tin tuyên truyền

- Tập huấn, hội thảo: Lũy kế đến nay đã thực hiện trên 700 cuộc tập huấn nhanh từ các cơ quan chuyên môn cho bà con nông dân về các biện pháp phòng trừ SVGH trên cây trồng thông qua nhiều hình thức và kênh thông tin, đồng thời tư vấn trực tiếp ngoài đồng ruộng, thông qua điện thoại, zalo,... với hơn 14.500 lượt nông dân tham gia. Tổ chức 79 cuộc trong đó 04 cuộc diễn đàn, 02 cuộc tạo đàm, 71 cuộc hội thảo, 10 cuộc tham quan, 11 lớp tập huấn Chuyển giao những tiến bộ KHKT trên các lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản cho khoảng 2.090 người tham dự. Cập nhật, đăng, duyệt tin, bài trên website thường xuyên, đến nay 857 tin bài đã có trên 2.945.697 lượt truy cập, tư vấn trực tiếp lũy kế khoảng 2.420 lượt về các lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản. Tổ chức bay dịch vụ lũy kế đến tháng báo cáo đạt 2.612,5 ha. Trong đó diện tích bay dịch vụ 2.610,5 ha, diện tích bay trình diễn 02 ha.

- Thực hiện các mô hình khuyến nông từ nguồn kinh phí Trung ương, Ngân sách tỉnh và nguồn kinh phí cấp huyện: 08 mô hình trên lĩnh vực trồng trọt; 03 mô hình trên lĩnh vực thủy sản; 02 mô hình trên lĩnh vực cơ giới hóa và 01 mô hình chuỗi sản xuất nông nghiệp tuần hoàn. Cụ thể các mô hình⁽⁵⁾

- Tư vấn về các lĩnh vực chăn nuôi, trồng trọt, thủy sản: Tư vấn trực tiếp ngoài đồng ruộng cho khoảng hơn 4.574 lượt nông dân về kỹ thuật canh tác và quản lý sinh vật hại trên các loại cây trồng; tư vấn tại các kỳ trưng bày hội chợ, hội nghị, hội thảo, diễn đàn cho hơn 1.315 lượt nông dân.

- Thường xuyên tổng hợp nhu cầu hàng hóa trong tháng từ các huyện và liên hệ nhận sản phẩm theo nhu cầu của các huyện để cung cấp cho người dân. Rà soát và ký hợp đồng hợp tác với các công ty, doanh nghiệp cung ứng sản phẩm. Xây

⁵ Mô hình trồng Mít theo tiêu chuẩn GlobalGAP gắn với liên kết chuỗi nâng cao giá trị sản phẩm; Mô hình trồng Mít ruột đỏ theo tiêu chuẩn GlobalGAP gắn với liên kết chuỗi nâng cao giá trị sản phẩm; Mô hình trồng Chanh không hạt theo tiêu chuẩn GlobalGAP gắn với liên kết chuỗi nâng cao giá trị sản phẩm; Mô hình trồng Măng cầu xiêm theo tiêu chuẩn GlobalGAP gắn với liên kết chuỗi nâng cao giá trị sản phẩm; Mô hình trồng khóm theo tiêu chuẩn GlobalGAP gắn với liên kết chuỗi nâng cao giá trị sản phẩm; Mô hình trồng nấm rơm trong nhà; Mô hình nuôi Cá thác lát theo tiêu chuẩn VietGAP gắn với liên kết chuỗi nâng cao giá trị sản phẩm; Mô hình nuôi lươn trong bể theo tiêu chuẩn VietGAP gắn với liên kết chuỗi nâng cao giá trị sản phẩm; Mô hình sản xuất kinh tế tuần hoàn; Nuôi cá trê vàng ghép sặc rằn trên ruộng lúa gắn với tiêu thụ sản phẩm; Mô hình ứng dụng cơ giới hóa trong sản xuất lúa theo tiêu chuẩn GlobalGAP liên kết chuỗi nâng cao giá trị sản phẩm; Mô hình trồng rau trong nhà lưới an toàn vệ sinh thực phẩm; Mô hình trồng dưa hấu không hạt an toàn vệ sinh thực phẩm; Mô hình ứng dụng máy sạ định vị như cây trong sản xuất lúa chất lượng cao

dựng kế hoạch triển khai thực hiện các dự án, mô hình khuyến nông năm 2023 từ nguồn kinh phí trung ương và địa phương.

7. Thực hiện các Chương trình, Đề án của ngành nông nghiệp

a. Chương trình số 02/CTr-UBND ngày 05 tháng 01 năm 2021 Hành động phát triển nông nghiệp thích ứng với biến đổi khí hậu tỉnh Hậu Giang 5 năm 2021 - 2025

Tổng nhu cầu vốn để thực hiện Chương trình là 4.755.360 triệu đồng (bốn nghìn bảy trăm năm mươi lăm tỷ ba trăm sáu mươi triệu đồng). Hiện đang tiếp tục triển khai thực hiện Chương trình số 01/CTr-UBND ngày 25 tháng 04 năm 2022 về Điều chỉnh, bổ sung Chương trình số 02/CTr-UBND ngày 05 tháng 01 năm 2021 của UBND tỉnh Hậu Giang về Hành động phát triển nông nghiệp thích ứng với biến đổi khí hậu tỉnh Hậu Giang 5 năm 2021 - 2025. Đã xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện năm 2023 trình UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 98/KH-UBND ngày 09 tháng 5 năm 2023 về thực hiện Chương trình số 01/CTr-UBND ngày 25 tháng 4 năm 2022, Chương trình số 02/CTr-UBND ngày 05 tháng 01 năm 2021 và Kế hoạch số 213/KH-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2021 của UBND tỉnh về phát triển nông nghiệp năm 2023 trên địa bàn tỉnh Hậu Giang. Tổng kinh phí lồng ghép thực hiện năm 2023 là 734.272 triệu đồng.

b. Chương trình Khuyến nông trên địa bàn tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2021-2025

Triển khai thực hiện Kế hoạch Khuyến nông năm 2023. Tổng kinh phí được cấp đầu năm 2023: 10.000 triệu đồng, trong đó: xây dựng và nhân rộng mô hình: 7.000 triệu đồng (giải ngân 2.968 triệu đồng, đạt 42,4%); đào tạo - tập huấn: 1.000 triệu đồng (giải ngân 913,5 triệu đồng, đạt 91,4%); thông tin tuyên truyền, tư vấn dịch vụ khuyến nông: 2.000 triệu đồng (giải ngân 1.234,3 triệu đồng, đạt 71,7%).

c. Đề án phát triển nông nghiệp bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030

Tham mưu UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Nghị quyết số 28/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 26/2020/NQ-HĐND ngày 04 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang về việc thông qua Đề án phát triển nông nghiệp bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.

Mục tiêu chung của đề án: Phân đầu xây dựng ngành Nông nghiệp tỉnh Hậu Giang phát triển bền vững với quy mô sản xuất hàng hóa lớn, chất lượng cao thông qua các mô hình hợp tác xã nông nghiệp từng bước hình thành các chuỗi liên kết sản xuất, tiêu thụ, sơ chế và chế biến, nâng cao giá trị và sức cạnh tranh của sản phẩm nông nghiệp; xây dựng cơ sở hạ tầng đồng bộ, hiện đại theo hướng chủ động,

thông minh, thích ứng với biến đổi khí hậu, đảm bảo an toàn trước thiên tai; đời sống vật chất, tinh thần của người dân được nâng lên, thu nhập bình quân đầu người đạt cao hơn, góp phần hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới.

Mục tiêu cụ thể trong giai đoạn 2021 - 2025:

(1) Xây dựng 15 mô hình HTX và 03 liên hiệp HTX được đầu tư đồng bộ về kết cấu hạ tầng, máy móc, thiết bị và phát triển toàn diện, hoạt động hiệu quả.

(2) Xây dựng 01 mô hình cung ứng dịch vụ cơ giới hóa trong nông nghiệp và 03 Trung tâm thu gom, phân loại, sơ chế, đóng gói và phân phối hàng nông sản.

(3) Xây dựng thí điểm mô hình kinh tế tuần hoàn hiệu quả trong sản xuất nông nghiệp.

Tổng nhu cầu vốn thực hiện Đề án giai đoạn 2021 - 2025 là 608,049 tỷ đồng. Trong đó: Ngân sách Trung ương hỗ trợ: 133,424 tỷ đồng, Ngân sách địa phương: 246,337 tỷ đồng, Vốn ODA: 48 tỷ đồng. Vốn tư nhân (HTX, DN): 180,288 tỷ đồng. Tham mưu UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 94/KH-UBND ngày 04 tháng 5 năm 2023 về thực hiện Đề án “Phát triển nông nghiệp bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030” giai đoạn 2021 - 2025. Tổng nhu cầu vốn thực hiện là 618.826 triệu đồng.

- Đến nay đã lựa chọn đủ 15 HTX và 03 liên hiệp HTX đáp ứng tiêu chí đầu vào để tham gia đề án như mục tiêu đề ra (tuy nhiên đã có 01 HTX xin không tham gia nữa và đang tiến hành lựa chọn HTX khác thay thế). Bên cạnh đó, 15 HTX và 03 liên hiệp HTX còn được hỗ trợ nâng cao năng lực hoạt động, quản lý HTX. Đồng thời Quỹ Hỗ trợ phát triển HTX được bổ sung vốn 20 tỷ đồng theo Đề án phát triển nông nghiệp bền vững, nâng tổng vốn điều lệ lên 40 tỷ đồng.

- Xây dựng thí điểm mô hình kinh tế tuần hoàn hiệu quả trong sản xuất nông nghiệp. Triển khai mô hình thí điểm thứ nhất: Thực hiện 02 mô hình: Nuôi gà hướng trứng đảm bảo an toàn sinh học và Trồng nấm. Đến nay, Công ty đang hoàn thiện xây dựng và lắp đặt hệ thống trại gà, trại nấm. Tiếp tục lựa chọn điểm để triển khai mô hình thứ hai, Sở đã khảo sát điều kiện của 06 chủ thể xin tham gia thực hiện mô hình tại huyện Châu Thành A, Phụng Hiệp, thị xã Long Mỹ và huyện Long Mỹ. Đã lựa chọn 02 chủ thể tham gia thực hiện thí điểm.

- Thực hiện chính sách cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp: Dự án xây dựng mô hình cung ứng dịch vụ cơ giới hóa: Hiện lập thủ tục nghiên cứu khả thi; Dự án hỗ trợ các HTX lúa đầu tư cơ giới hóa và xây dựng kho tạm trữ đã phối hợp các huyện khảo sát nhu cầu làm cơ sở đề xuất chủ trương đầu tư dự án.

- Xây dựng bản đồ nông hóa thổ nhưỡng phục vụ định hướng vùng sản xuất nông nghiệp tỉnh Hậu Giang: Dự án đã được phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi và bố trí vốn thực hiện trong năm 2023, đã hoàn thiện thủ tục phê duyệt kết

quả lựa chọn nhà thầu thực hiện dự án. Gói thầu: Xây dựng bản đồ nông hóa thổ nhưỡng, đã ký kết hợp đồng với đơn vị Trường Đại học Cần Thơ, thời gian thực hiện hợp đồng là 15 tháng (Đơn vị tư vấn đang tiến hành lấy mẫu đất phân tích ở địa bàn 08 huyện, thị xã, thành phố), dự kiến hoàn thành tháng 11/2024.

d) Thực hiện Dự án Chuyển đổi nông nghiệp bền vững tỉnh Hậu Giang (VnSAT): Thực hiện Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh vốn và gia hạn thời gian thực hiện dự án đến 31/12/2023. Tổng kế hoạch vốn năm 2023 là 2.500 triệu đồng từ nguồn ngân sách địa phương. Đang triển khai thực hiện nguồn vốn được giao theo kế hoạch đã được UBND tỉnh phê duyệt. Đến ngày 10/10/2023, giải ngân 1.155 triệu đồng.

8. Công tác khác

- Xây dựng chương trình, đề án và văn bản quy phạm pháp luật: theo Chương trình công tác của UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã phối hợp với các sở, ngành và địa phương tham mưu UBND tỉnh ban hành 13 văn bản, cụ thể như sau:

+ Văn bản QPPL 6: (1) Quyết định số 03/2023/QĐ-UBND ngày 04/01/2023 của UBND tỉnh Hậu Giang ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng vật tư, phương tiện, trang thiết bị chuyên dùng phòng, chống thiên tai cho các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Hậu Giang; (2) Quyết định số 05/2023/QĐ-UBND ngày 09/01/2023 của UBND tỉnh Hậu Giang Quy định nội dung chi và mức chi của Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh Hậu Giang. (3) Quyết định số 21/2023/QĐ-UBND ngày 08/8/2023 của UBND tỉnh Hậu Giang ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật trong quản lý, khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Hậu Giang; (4) Quyết định số 22/2023/QĐ-UBND ngày 11/8/2023 của UBND tỉnh Hậu Giang ban hành Quy định về cơ chế quay vòng một phần vốn hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Hậu Giang; (5) Quyết định số 23/2023/QĐ-UBND ngày 17/8/2023 của UBND tỉnh Hậu Giang sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định chính sách hỗ trợ đầu tư phát triển làng nghề, ngành nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh Hậu Giang ban hành kèm theo Quyết định số 23/2019/QĐ-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang; (6) Quyết định số 25/2023/QĐ-UBND ngày 31/8/2023 của UBND tỉnh Hậu Giang Quy định về định mức kinh tế kỹ thuật các hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

+ Văn bản cá biệt 7: (1) Kế hoạch số 65/KH-UBND ngày 22/3/2023 của UBND tỉnh Hậu Giang Phòng, chống hạn và xâm nhập mặn trên địa bàn tỉnh Hậu Giang năm 2023; (2) Chỉ thị số 06/CT-UBND ngày 30/3/2023 của Chủ tịch

UBND tỉnh về công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn năm 2023 trên địa bàn tỉnh Hậu Giang; (3) Kế hoạch số 93/KH-UBND ngày 04/5/2023 của UBND tỉnh Hậu Giang thực hiện Đề án phát triển nông nghiệp bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030 trong năm 2023; (4) Kế hoạch số 94/KH-UBND ngày 04/5/2023 của UBND tỉnh Hậu Giang thực hiện Đề án phát triển nông nghiệp bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030 giai đoạn 2021 - 2025; (5) KH 87/KH-UBND ngày 15/5/2023 của UBND tỉnh Hậu Giang thu - chi quỹ phòng chống thiên tai; (6) Quyết định số 1635/QĐ-UBND ngày 22/9/2023 của UBND tỉnh Hậu Giang phê duyệt KH phòng chống thiên tai; (7) Kế hoạch số 153/KH-UBND ngày 08/8/2023 của UBND tỉnh Hậu Giang thực hiện Quyết định số 417/QĐ-TTg ngày 22/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển ngành chế biến rau quả giai đoạn 2021-2030.

- Trả lời kiến nghị của đại biểu Hội đồng nhân dân, cử tri, công dân và địa phương: Đây là công tác được Sở đặc biệt quan tâm chỉ đạo, chủ động báo cáo, giải trình những vấn đề mà các cơ quan, cử tri quan tâm; tích cực, nghiêm túc nghiên cứu, giải quyết và trả lời đầy đủ, thấu đáo các câu hỏi chất vấn của đại biểu Hội đồng nhân dân, trả lời kiến nghị của cử tri, các địa phương, ý kiến của người dân và doanh nghiệp liên quan đối với những vấn đề thuộc trách nhiệm quản lý của ngành.

- Tổ chức bộ máy: Triển khai thực hiện Đề án sắp xếp, kiện toàn hệ thống thú y các cấp theo Quyết định số 414/QĐ-TTg ngày 22/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Tăng cường năng lực hệ thống cơ quan quản lý chuyên ngành thú y các cấp, giai đoạn 2021 - 2030”, Sở Nông nghiệp và PTNT thành lập các Trạm Chăn nuôi, Thú y - Thủy sản trên cơ sở tổ chức lại các Trạm Chăn nuôi và Thú y các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh, đồng thời thực hiện giải thể Trạm Thủy sản huyện Châu Thành và Trạm Thủy sản thành phố Ngã Bảy, chuyển chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước lĩnh vực thủy sản vào các Trạm Chăn nuôi, Thú y - Thủy sản, đến nay đề án đã được phê duyệt. Hiện tiếp tục rà soát, xây dựng Đề án kiện toàn lại tổ chức, bộ máy đảm bảo theo quy định tại Nghị định số 107/2020/NĐ-CP.

- Cải cách hành chính: Hoàn thành các chỉ tiêu Kế hoạch CCHC; Kế hoạch tuyên truyền CCHC; Kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính và chuyển đổi số năm 2023... Kịp thời phối hợp Sở Thông tin và truyền thông cập nhật các quy trình điện tử trong tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực nông nghiệp lên phần mềm Dịch vụ công trực tuyến và Hệ thống một cửa điện tử tỉnh; Thực hiện

tốt công tác áp dụng, duy trì và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001: 2015; 100% TTHC thuộc thẩm quyền của Sở Nông nghiệp và PTNT; đăng ký cung cấp dịch vụ công trực tuyến, trong tổng số có 94 TTHC cấp tỉnh có 20 dịch vụ công trực tuyến toàn trình, 74 dịch vụ công trực tuyến một phần. Công tác tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính tại bộ phận “một cửa” được triển khai thực hiện tốt, không có trường hợp trễ hẹn, từ đầu năm đến nay Sở đã tiếp nhận 960 hồ sơ.

- Thanh tra chuyên ngành: đơn vị tiến hành 07 cuộc thanh tra. Trong đó, có 02 cuộc Thanh tra chuyển tiếp từ năm 2022 sang (01 cuộc theo Quyết định số 387/QĐ-SNNPTNT ngày 09/11/2022 và 01 cuộc Quyết định số 377/QĐ-SNNPTNT ngày 01/11/2022), 02 cuộc thanh tra đột xuất và 03 cuộc thanh tra theo Kế hoạch thanh tra của năm 2023. Đã kết thúc quá trình thanh tra trực tiếp 07 cuộc và xử lý dứt điểm những trường hợp vi phạm sau thanh tra.

Quá trình thanh tra, đã tiến hành thanh tra tại 183 cơ sở, bốc được 123 mẫu gửi phân tích chất lượng, cụ thể phân bón 35 mẫu; thuốc bảo vệ thực vật 17 mẫu; lúa giống 04 mẫu; thuốc thú y 25 mẫu và 42 mẫu thức ăn chăn nuôi. Trong 123 mẫu có 37 mẫu không đạt chất lượng so với công bố cụ thể: phân bón 03 mẫu giả, 14 mẫu có chất lượng không phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật tương ứng; thức ăn chăn nuôi 03 mẫu giả, 10 mẫu không phù hợp so với quy chuẩn kỹ thuật; thuốc thú y có 04 mẫu giả 03 mẫu ngoài mức giới hạn cho phép.

Ngoài ra qua thanh tra đã phát hiện các trường hợp vi phạm khác như: Người trực tiếp bán thuốc thú y sử dụng chứng chỉ hành nghề thú y hết hạn sử dụng; Sử dụng chứng chỉ hành nghề thú y buôn bán thuốc thú y thủy sản (Hành nghề không đúng ngành nghề); Hành nghề thú y nhưng không có chứng chỉ hành nghề; Sử dụng phương tiện đo trong kinh doanh (Cân đồng hồ) hết thời hiệu kiểm định; Mua bán thuốc thú y hết hạn sử dụng; Mua bán thuốc thú y có sổ sách ghi chưa đầy đủ; Mua bán thuốc thú y trên nhãn có thông tin khác không đúng bản chất, không đúng sự thật về hàng hóa; Buôn bán thuốc thú y nhưng không thông báo cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi thay đổi địa điểm,... Đến thời điểm hiện tại đã ban hành được 68 quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng tiền với tổng số tiền là 666.110.000 đồng. Tất cả cơ sở vi phạm đã chấp hành và thi hành quyết định xử phạt xong.

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Những mặt đạt được

- Mặc dù những tháng đầu năm gặp nhiều khó khăn nhưng được sự quan tâm chỉ đạo sâu sát của Tỉnh ủy, UBND tỉnh, sự phối hợp tích cực của các sở, ngành và chính quyền địa phương cùng với sự nỗ lực của toàn ngành nông nghiệp

nên kết quả các mặt công tác của ngành những tháng đầu năm 2023 đạt khá toàn diện trên hầu hết các lĩnh vực là cơ sở để tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) khu vực I theo tính toán của Cục Thống kê năm đạt 3,12%.

- Công tác chỉ đạo sản xuất nông nghiệp được quán triệt và tập trung triển khai đồng bộ các nhiệm vụ trọng tâm và giải pháp của ngành đến các địa phương. Nông nghiệp tiếp tục thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi hiệu quả kém sang các loại cây trồng, vật nuôi có giá trị kinh tế cao, phù hợp với điều kiện của tỉnh như lúa chất lượng cao, cây ăn trái, rau an toàn,... gắn với xây dựng nông thôn mới, phát triển sản xuất và bảo vệ môi trường.

- Công tác chỉ đạo PCCCR trong mùa khô, phòng chống hạn mặn được ngành chỉ đạo quyết liệt. Ban Chỉ đạo tỉnh, các Ban Chỉ huy huyện, xã và các chủ rừng đã tổ chức ứng trực phòng, chống cháy rừng kể cả ngày thứ bảy, chủ nhật. Thường xuyên theo dõi, kiểm tra độ mặn để cảnh báo kịp thời đến người dân. Phối hợp với các địa phương xây dựng kế hoạch phòng chống hạn và xâm nhập mặn phù hợp với điều kiện của tỉnh và tại các địa phương; thường xuyên kiểm tra sạt lở tại các vùng sạt lở và có nguy cơ sạt lở, đồng thời cấm biển báo nguy hiểm đảm bảo an toàn cho người dân,... Với sự phối hợp tốt giữa các ngành chức năng các cấp cùng bà con nông dân, đến nay Hậu Giang chưa có diện tích cây trồng bị thiệt hại do hạn hán, xâm nhập mặn. Diện tích rừng được bảo vệ an toàn.

- Công tác thanh tra, kiểm tra vật tư nông nghiệp, chất lượng nông sản và vệ sinh an toàn thực phẩm nông, lâm, thủy sản được quan tâm thực hiện, kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm.

- Chỉ đạo công tác giải ngân các đề án, dự án được tập trung đạt yêu cầu kế hoạch đề ra. Tổ chức bộ máy tiếp tục ổn định; công chức, viên chức toàn ngành bám sát nhiệm vụ chuyên môn được giao; Đoàn kết nội bộ tốt; cải cách hành chính luôn được quan tâm, nâng cao chất lượng phục vụ.

2. Hạn chế: Bên cạnh những kết quả đạt được trên, một số công tác của ngành vẫn còn một số tồn tại, hạn chế, cụ thể:

- Tình hình thời tiết diễn biến hết sức phức tạp, khó lường, nắng nóng, xâm nhập mặn diễn biến gay gắt kèm theo mưa to đầu mùa đã ảnh hưởng đến tình hình sản xuất trên lúa và cây ăn trái tại một số địa phương làm một số ít diện tích cây trồng bị nhiễm sinh vật gây hại và các yếu tố dịch bệnh trong sản xuất nông nghiệp... gây ảnh hưởng đến sản xuất và thu nhập của nông dân.

- Việc cụ thể hóa và tổ chức thực hiện các chính sách hỗ trợ sản xuất kinh doanh, liên kết sản xuất với tiêu thụ nông sản thực phẩm an toàn ở một số địa phương còn chậm, sản lượng và quy mô còn hạn chế.

- Những khó khăn khi nguyên liệu vật tư đầu vào vẫn còn phụ thuộc vào nhập khẩu; bên cạnh đó giá thức ăn chăn, phân bón,... tăng cao; dẫn đến chi phí

sản xuất cao, trong khi giá sản phẩm nông sản có tăng nhưng thấp hơn đã ảnh hưởng đến thu nhập, sinh kế, đời sống của người sản xuất

- Công tác phối hợp tuyên truyền, vận động nông dân sản xuất theo quy hoạch, kế hoạch cánh đồng lớn, lịch thời vụ đã khuyến cáo,... còn hạn chế, một số nơi nông dân vẫn còn tự phát trong sản xuất, chưa tuân thủ theo khuyến cáo của ngành chuyên môn.

- Công tác phối hợp với các sở, ngành và địa phương trong triển khai thực hiện các Chương trình, đề án, dự án còn chậm.

Phần thứ hai

Phương hướng, nhiệm vụ năm 2024

Năm 2024, là năm thứ 4 cũng là năm bút phá để hoàn thành kế hoạch 5 năm giai đoạn 2021 - 2025. Trong bối cảnh kinh tế cả nước còn gặp nhiều khó khăn, thách thức, thiên tai, dịch bệnh diễn biến bất thường; nhu cầu đầu tư cho phát triển, nhất là kết cấu hạ tầng, phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu rất lớn, nhưng nguồn lực của tỉnh vẫn còn rất hạn hẹp; đây là những yếu tố bất lợi ảnh hưởng đến tăng trưởng kinh tế và đời sống của Nhân dân. Các nội dung về tiếp tục cơ cấu lại ngành nông nghiệp, sản xuất nông nghiệp an toàn, ứng dụng công nghệ cao, công nghệ 4.0,... được nhân rộng với quy mô lớn, tập trung, gắn với bảo quản, chế biến và tiêu thụ theo chuỗi giá trị đối với lúa gạo, trái cây và thủy sản, tạo đà cho tăng trưởng ngành nông nghiệp trong, góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Phát triển nền nông nghiệp theo hướng kinh tế nông nghiệp, thông minh, tuần hoàn, hội nhập quốc tế, thích ứng với biến đổi khí hậu, nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững gắn với xây dựng nông thôn mới phần vịnh và văn minh. Phân đầu xây dựng nền nông nghiệp theo hướng “Nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh”

Xây dựng ngành nông nghiệp phát triển bền vững với quy mô sản xuất hàng hóa lớn, chất lượng cao, hình thành các chuỗi liên kết sản xuất, tiêu thụ, sơ chế và chế biến, nâng cao giá trị và sức cạnh tranh của sản phẩm nông nghiệp; xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại theo hướng chủ động, thông minh, thích ứng với biến đổi khí hậu, đảm bảo an toàn trước thiên tai; dịch bệnh.

2. Mục tiêu cụ thể

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) khu vực I: 3,0%;

- Tỷ lệ dân số nông thôn sử dụng nước sạch phần đầu đạt 91%;
- Xây dựng thêm 02 xã đạt chuẩn nông thôn mới;
- Tỷ lệ độ che phủ rừng ổn định khoảng 3%.

3. Định hướng phát triển

Thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại nông nghiệp, phát triển nông thôn, kinh tế nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới theo hướng nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh. Chú trọng phát triển nông nghiệp sản xuất hàng hoá lớn, ứng dụng công nghệ cao; phát huy tiềm năng lợi thế từng vùng, từng địa phương. Gắn kết chặt chẽ nông nghiệp với công nghiệp, dịch vụ; sản xuất với bảo quản, chế biến, xây dựng thương hiệu, tiêu thụ, nâng cao giá trị nông sản trong các chuỗi giá trị. Khuyến khích kinh tế hộ, kinh tế hợp tác nông cốt là hợp tác xã, thu hút doanh nghiệp đầu tư, cải tiến quản lý nhà nước để nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả sản xuất nông nghiệp, bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm, thích ứng với biến đổi khí hậu. Phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn; kết nối nông thôn với đô thị. Triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới theo hướng gắn với quá trình đô thị hóa, đi vào chiều sâu, hiệu quả, bền vững; xây dựng nông thôn mới nâng cao, xây dựng đời sống văn hoá, nông thôn mới kiểu mẫu và bảo vệ môi trường sinh thái.

II. NỘI DUNG

1. Lĩnh vực trồng trọt

- **Cây lúa:** Diện tích gieo trồng 172.500 ha (trong đó Đông Xuân 74.200 ha, Hè Thu 73.800 ha, Thu Đông 24.500 ha). Năng suất khoảng 6,6 tấn/ha. Sản lượng ổn định khoảng trên 1,1 triệu tấn.

- **Cây mía:** Quy hoạch và tổ chức lại sản xuất gắn kết chặt chẽ với nhà máy đường; đồng thời tiếp tục chuyển đổi diện tích mía kém hiệu quả sang cây trồng khác kết hợp chuyển đổi giống có năng suất, chất lượng, chữ đường cao,... Diện tích khoảng 3.150 ha, năng suất 100 tấn/ha, sản lượng 315.000 tấn.

- **Cây ăn quả:** Diện tích cây ăn quả 46.400 ha, trong đó: Cây có múi 11.550 ha, khóm 3.170 ha, cây ăn quả khác 31.680. Sản lượng khoảng 560.000 tấn.

- **Rau màu:** Diện tích 27.000 ha (bắp 2.500 ha), sản lượng khoảng 350.000 tấn.

2. Lĩnh vực chăn nuôi

- Tổng đàn heo 146.000 con; gia cầm, thủy cầm 4.500.000 con (gà: 1.700.000 con, vịt: 2.800.000 con); đàn trâu 1.200 con; đàn bò 4.200 con.

- Tổng sản lượng thịt hơi xuất chuồng 39.000 tấn.

3. Lĩnh vực thủy sản

- Diện tích nuôi 11.500 ha, trong đó: Diện tích nuôi cá ao 3.600 ha; nuôi cá ruộng 7.900 ha.
- Tổng sản lượng 90.000 tấn, trong đó: Sản lượng nuôi 87.300 tấn; sản lượng khai thác 2.700 tấn.

4. Lĩnh vực lâm nghiệp:

- Thực hiện quản lý nhà nước với diện tích rừng 3.793,69 ha (Rừng đặc dụng: 1.443,35 ha và Rừng sản xuất: 2.350,34 ha) theo đúng quy định. Phân đầu duy trì tỷ lệ độ che phủ rừng đạt 3,0%. Trồng mới rừng tập trung 50ha (rừng đặc dụng 20 ha, rừng sản xuất 30 ha); Trồng cây lâm nghiệp phân tán 2.080.000 cây.
- Triển khai có hiệu quả công tác phòng cháy chữa cháy rừng, áp dụng đồng bộ các biện pháp phòng, chống, hạn chế đến mức thấp nhất xảy ra cháy rừng. Triển khai chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng theo đúng quy định. Tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ lâm nghiệp để giữ vững tỷ lệ độ che phủ rừng 3,0% trong năm 2024.

III. GIẢI PHÁP CHỦ YẾU TẬP TRUNG CHỈ ĐẠO THỰC HIỆN

Xác định nhiệm vụ của ngành trong phát triển kinh tế của tỉnh và đảm bảo an ninh lương thực, phát triển nông nghiệp an toàn theo chuỗi giá trị và thích ứng với biến đổi khí hậu; xây dựng nông thôn mới gắn với đô thị hóa nông thôn,...Do đó cần tập trung vào các nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu sau:

1. Xây dựng nền nông nghiệp phát triển toàn diện theo hướng hiện đại, giá trị tăng cao

a) Trồng trọt

Chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi gắn kết với thị trường, với Đề án "Phát triển ngành nông nghiệp bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2021 - 2025 định hướng 2030".

Tiếp tục thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng, sản phẩm phù hợp với lợi thế và nhu cầu thị trường, thích ứng với biến đổi khí hậu. Tăng cường phổ biến, chuyển giao các giống cây trồng mới có chất lượng và giá trị cao vào sản xuất. Phát triển các vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung, quy mô lớn, tổ chức sản xuất theo chuỗi đối với các sản phẩm chủ lực của tỉnh; đồng thời, phát triển nông nghiệp đảm bảo an toàn chất lượng, tăng cường mạnh việc hướng dẫn, cấp chứng nhận mã số vùng trồng; khuyến khích nông nghiệp hữu cơ.

Tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ, phát triển nông nghiệp công nghệ cao. Đẩy mạnh công tác quản lý vùng trồng để xuất khẩu và mở rộng thị

trường cho nông sản; nâng cao năng lực giám sát và dự báo, phòng trừ hiệu quả sinh vật gây hại cây trồng, chủ động phòng ngừa đối với loại sâu bệnh mới. Kiểm soát chặt chẽ sản xuất, kinh doanh phân bón, thuốc bảo vệ thực vật.

b) Chăn nuôi

Tăng cường hỗ trợ người chăn nuôi, doanh nghiệp và địa phương phát triển các vùng chăn nuôi tập trung, quy mô lớn đối với các sản phẩm chủ lực gắn với phát triển công nghiệp chế biến sản phẩm chăn nuôi, an toàn thực phẩm đáp ứng nhu cầu tiêu dùng trong nước và đẩy mạnh xuất khẩu. Thực hiện các giải pháp nhằm triển khai thực hiện hiệu quả Kế hoạch cơ cấu lại ngành giai đoạn 2021 - 2025; Chiến lược phát triển chăn nuôi giai đoạn 2020 - 2030, tầm nhìn đến năm 2040 phù hợp với thực tiễn.

Phối hợp với địa phương và doanh nghiệp để điều chỉnh tốc độ tăng trưởng đàn gia cầm và các sản phẩm gia cầm. Phát triển chăn nuôi theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa; đồng thời, đẩy mạnh chăn nuôi hữu cơ, chăn nuôi truyền thống theo hướng sản xuất hàng hóa; phát triển mạnh các chuỗi liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi chủ lực có thế mạnh của tỉnh để nâng cao giá trị gia tăng gắn với truy xuất nguồn gốc. Nâng cao tỷ lệ sản phẩm chăn nuôi được sản xuất trong các trang trại, hộ chăn nuôi chuyên nghiệp bảo đảm an toàn sinh học, an toàn dịch bệnh, thân thiện với môi trường, đối xử nhân đạo với vật nuôi, đáp ứng yêu cầu chất lượng, an toàn thực phẩm cho tiêu dùng trong và ngoài tỉnh; giám sát và kiểm soát chặt dịch bệnh trên gia súc, gia cầm hiệu quả, không để tái nhiễm. Quy định chặt chẽ việc quản lý và sử dụng thuốc thú y.

c) Thủy sản

Phát huy lợi thế về nuôi trồng thủy sản nước ngọt, tạo động lực tăng trưởng và thúc đẩy chuyển đổi cơ cấu sản xuất khu vực nông, lâm, thủy sản. Đẩy mạnh phát triển các loài thủy đặc sản của địa phương. Tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả Kế hoạch cơ cấu lại ngành giai đoạn 2021 - 2025; Chiến lược phát triển thủy sản giai đoạn 2020 - 2030, tầm nhìn đến năm 2040 phù hợp với thực tiễn.

Thực hiện có hiệu quả công tác tập huấn, chuyển giao khoa học công nghệ, kế hoạch chi tiết phát triển thủy sản, khuyến cáo lịch mùa vụ, cơ cấu đối tượng nuôi, kế hoạch khuyến ngư, nắm bắt thông tin giá cả thị trường để thông báo kịp thời cho người dân. Tập trung chỉ đạo các mô hình điểm và các điểm trình diễn, sơ kết, tổng kết đánh giá kết quả để có cơ sở triển khai nhân rộng đạt hiệu quả cao trên địa bàn toàn tỉnh; tham mưu, đề xuất ban hành cơ chế, chính sách phát triển một số đối tượng sản đặc thù, có giá trị kinh tế nhằm tạo chuỗi sản phẩm giá trị cao của tỉnh.

Phát triển đồng bộ, toàn diện cả khai thác và nuôi trồng; áp dụng quy trình, kỹ thuật nuôi, khai thác hiện đại gắn với chế biến, bảo quản giảm tổn thất sau thu hoạch, đa dạng hóa sản phẩm thủy sản chế biến. Đồng thời, đáp ứng tiêu chuẩn,

quy định về nuôi trồng và khai thác thủy sản; cấp mã số vùng nuôi, truy xuất nguồn gốc; hướng dẫn, quản lý việc đánh bắt thủy sản theo đúng các quy định, duy trì ổn định vùng nguyên liệu xuất khẩu.

d. Lâm nghiệp

Giữ ổn định diện tích đất lâm nghiệp, có rừng 3.793,69 ha (Rừng đặc dụng: 1.443,35 ha và Rừng sản xuất: 2.350,34 ha) theo đúng quy định. Dự kiến kế hoạch năm 2024: Trồng mới rừng tập trung 50ha (rừng đặc dụng 20 ha, rừng sản xuất 30 ha); Trồng cây lâm nghiệp phân tán 2.080.000 cây. Độ che phủ rừng toàn tỉnh duy trì đạt 3% trở lên. Đồng thời, tiếp tục triển khai thực hiện Kế hoạch trồng cây xanh phân tán và trồng rừng tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2021 - 2025, phân kỳ năm 2024 theo kế hoạch được duyệt; Chiến lược phát triển lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo Quyết định số 523/QĐ-TTg ngày 01 tháng 4 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ.

Xây dựng kế hoạch trồng rừng và bảo vệ rừng phù hợp; xác định mục tiêu tăng trưởng của lĩnh vực lâm nghiệp và các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm để tiếp tục triển khai thực hiện hiệu quả Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021 - 2025; Chiến lược phát triển Ngành, lĩnh vực lâm nghiệp. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ trong việc theo dõi, đánh giá trữ lượng rừng, trồng và bảo vệ rừng. Phát triển mô hình nông lâm kết hợp; tiếp tục hoàn thiện và thực thi hiệu quả chính sách về chi trả dịch vụ môi trường rừng và thúc đẩy phát triển kinh tế rừng.

e. Công tác thủy lợi và phòng, chống thiên tai

Xây dựng kế hoạch, mục tiêu và các nhiệm vụ, giải pháp cụ thể để phát triển thủy lợi phục vụ cơ cấu lại ngành theo hướng đa chức năng; đảm bảo chất lượng nước và an ninh nguồn nước phục vụ nuôi trồng thủy sản, trồng trọt, chăn nuôi, cung cấp nước cho dân sinh và sản xuất công nghiệp. Nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác công trình thủy lợi hiện có; phát triển tưới tiên tiến, tiết kiệm.

Tăng cường các biện pháp chủ động phòng ngừa, kiểm soát an toàn thiên tai, kịp thời ứng phó, khắc phục hậu quả nhằm giảm nhẹ thiệt hại. Triển khai hiệu quả Luật: Thủy lợi; Phòng, chống thiên tai; các Nghị quyết của Chính phủ: số 76/NĐ-CP về công tác phòng chống thiên tai, số 120/NĐ-CP về phát triển bền vững Đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu

f. Phát triển thị trường, thúc đẩy tiêu thụ nông sản

Phối hợp tổ chức lại hệ thống thương mại nông sản nội vùng; nâng cao năng lực nghiên cứu và dự báo thị trường; kết nối với mạng lưới tiêu thụ toàn quốc; nâng cao vị thế và khả năng cạnh tranh của hàng nông sản; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ trong việc kết nối cung - cầu, tiêu thụ nông sản. Đổi mới công tác xúc

tiền thương mại, xây dựng các nhiệm vụ và giải pháp phát triển thị trường phù hợp bảo đảm phát triển tổng thể thương mại hài hòa, bền vững. Tiếp tục phối hợp thúc đẩy xây dựng các trung tâm logistics nông sản, hệ thống kho lạnh gắn với vùng nguyên liệu.

2. Xây dựng nông thôn mới, nâng cao thu nhập, ổn định và cải thiện điều kiện sống của dân cư nông thôn

Tập trung chỉ đạo các địa phương tiếp tục nâng cao các tiêu chí (xã, huyện) đã đạt chuẩn nông thôn mới và nông thôn mới nâng cao. Đẩy mạnh các giải pháp huy động và đa dạng hóa nguồn vốn thực hiện chương trình trong xây dựng nông thôn mới. Huy động các nguồn lực xây dựng cơ sở hạ tầng ở địa phương; đầu tư có trọng tâm, trọng điểm tránh dàn trải, ưu tiên các dự án bức xúc phục vụ cho nhu cầu cấp thiết cho sản xuất và đời sống nhân dân.

Tiếp tục thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, nâng cao thu nhập, ổn định đời sống cho cư dân nông thôn; hoàn thành hệ thống cơ sở hạ tầng thiết yếu, đặc biệt ở vùng khó khăn, vùng sâu, vùng xa; xây dựng nông thôn mới phát triển toàn diện, bền vững gắn với đô thị hóa; nâng cao chất lượng tiêu chí xây dựng nông thôn mới nhằm nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người dân nông thôn, xây dựng hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn đồng bộ và hiện đại, gắn với quá trình đô thị hóa, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và thích ứng với biến đổi khí hậu; đảm bảo môi trường, cảnh quan nông thôn sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn; đời sống nông thôn giàu bản sắc văn hóa truyền thống; đưa nông thôn trở thành nơi đáng sống.

Xây dựng kế hoạch thực hiện các nhiệm vụ được giao trong Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững, Chương trình MTQG phát triển kinh tế xã hội vùng Dân tộc thiểu số và Miền núi; công tác di dân và ổn định dân cư tại các vùng thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, khu rừng đặc dụng,...

3. Phát triển hạ tầng, nâng cao năng lực phòng chống và giảm nhẹ thiên tai; bảo vệ và sử dụng hiệu quả, bền vững các nguồn tài nguyên thiên nhiên:

Chỉ đạo đơn vị chuyên môn nghiên cứu, xây dựng và thực hiện kế hoạch đầu tư hạ tầng phục vụ sản xuất phù hợp với kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2021 - 2025; tăng cường xây dựng và đề xuất các giải pháp, các dự án huy động xã hội hóa đầu tư phát triển hạ tầng nông nghiệp, nông thôn.

Tăng cường hiệu quả công tác quản lý khai thác công trình thủy lợi để phát huy tối đa các dự án, công trình được bàn giao đưa vào sử dụng. Ưu tiên đầu tư đồng bộ hạ tầng. Xây dựng đồng bộ hệ thống giao thông nông thôn chất lượng đảm bảo thực hiện cho việc đi lại và vận chuyển hàng hóa, tiêu thụ nông sản là tiền đề hình thành các vùng sản xuất hàng hóa tập trung với qui mô lớn.

Tăng cường khả năng điều tiết các nguồn nước, sử dụng nước tiết kiệm; tăng cường khả năng tích nước cho mùa khô, cấp đủ nước sản xuất nông nghiệp và sinh hoạt của người dân. Chủ động các phương án ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai; đảm bảo an toàn đê điều, hồ đập; xử lý sạt lở bờ sông. Triển khai hiệu quả các nhiệm vụ ứng phó với biến đổi khí hậu, Nghị quyết của Chính phủ về phát triển bền vững vùng thích ứng với biến đổi khí hậu. Tăng cường công tác quản lý tài nguyên rừng, tài nguyên đất, tập trung bảo vệ môi trường và giảm thiểu phát thải.

4. Tiếp tục đổi mới, hoàn thiện và triển khai hiệu quả cơ chế, chính sách phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới

Tăng cường nghiên cứu, đề xuất các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm năm 2023 để triển khai hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp Thủ tướng Chính phủ giao tại Quyết định số 255/QĐ-TTg ngày 25/02/2021 về kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021 – 2025; các cơ chế, chính sách mới để tháo gỡ khó khăn, tạo động lực mới cho tăng trưởng ngành, nhất là tháo gỡ vướng mắc trong chính sách đất đai, đầu tư, phát triển công nghiệp và dịch vụ hỗ trợ. Tăng cường nguồn lực đầu tư cho phát triển nông nghiệp, nông thôn; huy động nguồn lực ngoài ngân sách cho phát triển nông nghiệp, nông thôn

5. Phát triển mạnh khoa học, công nghệ và khuyến nông:

Đẩy mạnh phát triển khoa học và công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả công tác nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ vào sản xuất, xây dựng nền nông nghiệp công nghệ cao, tập trung vào các sản phẩm chủ lực phục vụ tiêu dùng trong nước và xuất khẩu; hoàn thiện công nghệ chế biến, bảo quản sau thu hoạch nhằm nâng cao giá trị gia tăng của sản phẩm nông nghiệp; tăng cường các hoạt động khuyến nông, hỗ trợ đào tạo nghề nông nghiệp, hỗ trợ doanh nghiệp, nông dân ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, chế biến, bảo quản và tiêu thụ.

Tăng cường năng lực tiếp cận xu hướng công nghệ tiên tiến, hiện đại của Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 để thúc đẩy nghiên cứu các lĩnh vực nông nghiệp có tiềm năng và lợi thế; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ cao cả trong công tác quản lý nhà nước, sản xuất, chế biến, tiêu thụ góp phần chuyển đổi sang nền nông nghiệp chủ động, sáng tạo, công nghệ cao, giá trị gia tăng lớn, giảm dần lao động chân tay. Xây dựng hệ thống quy chuẩn kỹ thuật và tiêu chuẩn quốc gia phục vụ quản lý ngành, nhất là quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp, chất lượng và an toàn thực phẩm; hài hòa với tiêu chuẩn để thúc đẩy mở rộng thị trường.

6. Đổi mới và phát triển các hình thức tổ chức sản xuất, kinh doanh trong nông nghiệp phù hợp với điều kiện cụ thể từng vùng, miền, sản phẩm, ngành hàng:

Tiếp tục hỗ trợ, đầu tư xây dựng được các mô hình hợp tác xã kiểu mới điển hình để nhân rộng; hỗ trợ các hợp tác xã nông nghiệp đầu tư cơ sở hạ tầng và hỗ trợ nâng cao năng lực quản lý, trình độ chuyên môn cho cán bộ quản lý Hợp tác xã, xây dựng các mô hình liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị, ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất, phát triển các hình thức hợp tác, liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị từ sản xuất, chế biến, tiêu thụ và xuất khẩu; phát triển kinh tế trang trại, kinh tế hộ gia đình và kế hoạch đào tạo nghề cho lao động nông thôn.

Xây dựng kế hoạch đẩy mạnh thực hiện các hình thức hợp tác, liên kết sản xuất, tiêu thụ nông sản theo chuỗi giá trị. củng cố, nâng chất hình thành nên các HTX, liên hiệp HTX đủ mạnh thực hiện liên kết sản xuất và tiêu thụ với doanh nghiệp; có chính sách hỗ trợ lãi suất cho HTX vay vốn tín dụng của ngân hàng thương mại để HTX hoạt động kinh doanh. Xây dựng kế hoạch thực hiện Chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021-2025 theo Quyết định số 1804/QĐ-TTg ngày 13/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ; phát triển các hình thức hợp tác, liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị từ sản xuất, chế biến, tiêu thụ và xuất khẩu; phát triển kinh tế trang trại, kinh tế hộ gia đình và kế hoạch đào tạo nghề cho lao động nông thôn.

7. Tăng cường hoạt động hợp tác quốc tế

Đẩy mạnh công tác hội nhập quốc tế nhằm thu hút nguồn đầu tư nước ngoài, mở rộng thị trường xuất khẩu và đẩy mạnh các hoạt động hợp tác khoa học, đào tạo. Vận động và kêu gọi nhà tài trợ tham gia hỗ trợ thực hiện Chiến lược phát triển Ngành, Kế hoạch cơ cấu lại Ngành gắn với xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025. Triển khai các hoạt động hợp tác và hội nhập quốc tế theo Quyết định số 1684/QĐ-TTg ngày 30/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược hội nhập kinh tế quốc tế ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn đến năm 2030. Chú trọng công tác phổ biến, theo dõi, đôn đốc việc thực hiện các Hiệp định thương mại tự do, FTA đã ký kết

8. Công tác quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp và vệ sinh an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản:

Tăng cường năng lực thực thi pháp luật; đổi mới, chuẩn hóa, đẩy mạnh áp dụng các biện pháp quản lý tiên tiến phù hợp tư duy phát triển kinh tế nông nghiệp đáp ứng yêu cầu tái cơ cấu Ngành, hội nhập kinh tế quốc tế; đẩy mạnh công tác hoàn thiện chính sách pháp luật quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp, đảm bảo an toàn thực phẩm và tạo môi trường thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp đầu tư sản xuất, kinh doanh, liên kết phát triển các chuỗi giá trị nông sản chất lượng

cao, đảm bảo an toàn thực phẩm. Xây dựng kế hoạch phát triển hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến nhằm nâng cao chất lượng, đảm bảo an toàn thực phẩm cho tiêu dùng trong và ngoài tỉnh; kế hoạch thông tin, truyền thông về chính sách pháp luật quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp cho các cơ sở sản xuất kinh doanh.

Xác định việc cấp mã số vùng trồng, vùng nuôi, sử dụng vật tư đầu vào thân thiện với môi trường (phân bón hữu cơ, thuốc trừ sâu sinh học...) là yếu tố quan trọng để đảm bảo, nâng cao chất lượng, an toàn thực phẩm. Chuyển mạnh sang thanh tra đột xuất; xử lý kịp thời cơ sở vi phạm; các cơ quan, công chức thiếu trách nhiệm, buông lỏng quản lý VTNN, ATTP. Tiếp tục không chế việc sử dụng chất cấm trong chăn nuôi, giảm thiểu lạm dụng hóa chất kháng sinh trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, giảm thiểu ô nhiễm vi sinh vật trong các sản phẩm chăn nuôi...

9. Phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực:

Tiếp tục rà soát thực hiện tổ chức bộ máy từ tỉnh đến cơ sở theo tinh thần Nghị quyết số 18-NQ/TW và Nghị quyết 19-NQ/TW và văn bản chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND theo hướng sắp xếp tinh gọn, phù hợp với biên chế hiện có, bên cạnh đó thực hiện tốt các chế độ, chính sách công chức, viên chức và người lao động, tạo điều kiện tốt nhất để công chức, viên chức an tâm công tác.

Nâng cao chất lượng và sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực gắn với đẩy mạnh đổi mới sáng tạo, ứng dụng và phát triển khoa học công nghệ đáp ứng nhu cầu phát triển nông nghiệp hiện đại và hội nhập. Phát triển nhanh nguồn nhân lực qua đào tạo, nhất là nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4. Đổi mới phương thức và nâng cao hiệu quả đào tạo nghề cho nông dân, gắn với nhu cầu của thị trường lao động, nhu cầu của doanh nghiệp; đẩy mạnh xã hội hóa công tác đào tạo nghề.

10. Tăng cường cải cách hành chính, nâng cao năng lực, hiệu quả quản lý ngành:

Đẩy mạnh cải cách hành chính, xây dựng nền hành chính hiện đại, chuyên nghiệp theo kế hoạch đã được phê duyệt. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số nông nghiệp. Rà soát các thủ tục hành chính, tiếp tục đổi mới hoạt động cơ chế “một cửa”, cải thiện và nâng cao chỉ số PAPI, PCI.. tạo điều kiện thuận lợi nhất cho công dân, doanh nghiệp đến quan hệ công việc.

Xây dựng kế hoạch thực hiện các giải pháp cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia theo các Nghị quyết của Chính phủ. Cải cách công tác quản lý, kiểm tra chuyên ngành. Tham mưu xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và vận dụng các cơ chế chính sách của Trung ương, nhằm tạo cơ sở pháp lý thông thoáng để sản xuất nông lâm nghiệp và thủy sản ổn định, phát triển. Đồng thời tổ chức triển khai kịp thời các văn bản pháp luật liên quan đến

chuyên ngành phục vụ yêu cầu phát triển nông nghiệp, nông thôn. Đầu tư, quản lý chất lượng nông sản, vật tư nông nghiệp và an toàn thực phẩm... Thực hiện quyết liệt các giải pháp phòng, chống tham nhũng, lãng phí; xử lý nghiêm các đối tượng vi phạm.

11. Thu hút các nguồn lực xã hội, khuyến khích đầu tư tư nhân:

Phối hợp với các đơn vị Sở ngành, địa phương để tổ chức triển khai có hiệu quả Nghị định 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn (đang được điều chỉnh, sửa đổi), Nghị định số 58/2018/NĐ-CP ngày 18/4/2018 về bảo hiểm nông nghiệp; Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư... Tiếp tục hoàn thiện chính sách thu hút đầu tư nước ngoài vào nông nghiệp, nông thôn.

Hỗ trợ doanh nghiệp, Hợp tác xã xây dựng nhãn hiệu hàng hóa, thương hiệu cho các sản phẩm đặc trưng, chủ lực của tỉnh gắn với truy xuất nguồn gốc và quản lý chất lượng theo chuỗi; Tăng cường giới thiệu, quảng bá các sản phẩm chủ lực có chất lượng cao; thường xuyên thông tin, dự báo kịp thời về thị trường nông sản. Thực hiện liên kết tỉnh và liên kết vùng trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, thủy sản. Hỗ trợ các doanh nghiệp, các Hợp tác xã, các tổ hợp tác đưa các sản phẩm giới thiệu trên các sàn giao dịch nông sản.

Xây dựng kế hoạch cụ thể đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến đầu tư để kêu gọi doanh nghiệp trong và ngoài nước đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; ưu tiên kêu gọi đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, phát triển liên kết, hợp tác sản xuất theo chuỗi, phát triển công nghiệp chế biến. Chuyển dần việc cung cấp một số dịch vụ công cho tư nhân và các tổ chức xã hội.

(Biểu bảng chi tiết đính kèm)

Trên đây là báo cáo công tác thực hiện năm 2023 và kế hoạch năm 2024 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- TT.UBND tỉnh;
- Các Sở, ngành và đoàn thể có liên quan;
- Phòng NN, Phòng KT các huyện, TX, TP;
- Các Chi cục, Trung tâm trực thuộc Sở;
- BGĐ Sở và Phòng, ban;
- Lưu: VT, KHN.

GIÁM ĐỐC

Ngô Minh Long